

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/ HNGĐ - ST
Ngày 15-8-2018
Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Hùng.
2. Bà Kiều Việt Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91 / 2018/TLST- HNGĐ ngày 12/7/2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Đàm Ngọc T**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: R, thôn M, xã N, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi. Anh T có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Chị Võ Thị Ngọc D**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi. Chị D có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đàm Ngọc T trình bày:

Anh và chị Võ Thị Ngọc D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn anh và chị D chung sống hạnh phúc được 2 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau vì nhiều lý do như bất đồng trong việc chăm sóc con cái, về vấn đề kinh tế của gia đình. Kể từ tháng 12 năm 2015 đến nay anh và chị D sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân với chị D được nữa, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Võ Thị Ngọc D.

Về con: Anh và chị D có một người con là cháu Đàm Ngọc Duy K, sinh ngày 31/3/2015, hiện đang ở với chị D. Khi ly hôn, chị D tiếp tục nuôi dưỡng con, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đàm Ngọc Duy K theo quy định của pháp luật. Anh làm nghề buôn bán, mức thu nhập của anh khoảng 10.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh và chị D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Anh và chị D không có nợ của ai và không có ai nợ của anh và chị D, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn chị Võ Thị Ngọc D trình bày:

Việc kết hôn, có con chung giữa chị và anh Đàm Ngọc T đúng như anh T đã trình bày. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T có xảy ra mâu thuẫn vì lý do anh T ham chơi đá banh, đem xe máy của chị đi thế chấp lấy tiền chơi, chị có nói thì anh T đánh đập chị ngay cả lúc chị có mang thai. Năm 2015, sau khi sinh con, nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T được nên chị đã đưa con về nhà cha mẹ đẻ ở thôn P, xã N, tỉnh Quảng Ngãi sống. Kể từ đó đến nay chị và anh T phân ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị đồng ý ly hôn anh T.

Về nuôi con: Chị và anh T có một người con là cháu Đàm Ngọc Duy K, sinh ngày 31/3/2015, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng con vì từ khi sinh ra đến nay cháu K sinh sống với chị, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nghĩa vụ tài sản: Chị và anh T không có nợ ai và không có ai nợ của chị và anh T, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh Đàm Ngọc T và chị Võ Thị Ngọc D; Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về giao con chung là cháu Đàm Ngọc Duy K, sinh ngày 31/3/2015 cho chị Võ Thị Ngọc D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung, nợ chung: anh T và chị D không yêu cầu, nên không xem xét. Về án phí: Anh Đàm Ngọc T phải chịu án phí ly hôn và án phí về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Đàm Ngọc T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị Võ Thị Ngọc D, chị D có nơi cư trú ở huyện H, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Đàm Ngọc T và chị Võ Thị Ngọc D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 14/01/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Đàm Ngọc T có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh T và chị D đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau, đánh nhau. Kể từ năm 2015 đến nay anh T và chị D đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Như vậy, có thể thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị D đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh T và chị D đã tự nguyện thuận tình ly hôn, nên cần căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đàm Ngọc T và chị Võ Thị Ngọc D.

[4] Về nuôi con: Anh Đàm Ngọc T và chị Võ Thị Ngọc D có một người con là cháu Đàm Ngọc Duy K, sinh ngày 31/3/2015, hiện đang ở với chị D. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay cháu Đàm Ngọc Duy K tuổi còn nhỏ, thời gian vừa qua cháu K đã sinh sống ổn định cùng với chị D. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu K, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh T và chị D, giao cháu Đàm Ngọc Duy K cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của chị Võ Thị Ngọc D và cháu Đàm Ngọc Duy K trong việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử nhận thấy anh Đàm Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đồng/tháng, tính từ tháng 9 năm 2018 đến khi cháu Đàm Ngọc Duy K đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: anh Đàm Ngọc T và chị Võ Thị Ngọc D đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đàm Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 và 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đàm Ngọc T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đàm Ngọc T và chị Võ Thị Ngọc D;

2. Về nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Đàm Ngọc T và chị Võ Thị Ngọc D về việc giao cháu Đàm Ngọc Duy K, sinh ngày 31/3/2015 cho chị Võ Thị Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đàm Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Đàm Ngọc Duy K, sinh ngày 31/3/2015 mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi cháu Đàm Ngọc Duy K đủ 18 tuổi.

Anh Đàm Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đàm Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí về ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng cộng anh T phải nộp 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000578 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ngãi, anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Hành Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Bình